TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **189**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/12/2025
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H2 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Duy

2. Bà Huỳnh Thị Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 244/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 606/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 486/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1988. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp B, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn R, sinh năm 1970. *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội GCT - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Nguyễn Văn C, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1937. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 22/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị và anh R tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 22/01/2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2010. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2023, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả; nguyên nhân do anh R thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con, không lo kinh tế gia đình, chửi mắng và đánh đập chị. Chị và 03 con đã về nhà cha mẹ ruột của chị ngụ ấp B, xã TN, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã V, tỉnh Đồng Tháp) sinh sống từ tháng 7/2025 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh R.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 03 người con chung tên Huỳnh Nguyễn Yến N, sinh ngày 26/11/2009; Huỳnh Nguyễn Yến N1, sinh ngày 01/12/2011 và Huỳnh Nguyễn Yến N2, sinh ngày 14/11/2015 hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con và yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện GCT 30.000.000 đồng để làm ăn. Ly hôn chị yêu cầu chia đôi số nợ này.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Văn R trình bày:***

- Về hôn nhân: Vợ chồng anh đám cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (hiện là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Anh chị quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 01 - 02 năm trước khi tiến đến hôn nhân. Sau khi cưới, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc. Anh đi làm, lo kinh tế cho gia đình nhưng từ năm 2023 anh bị bệnh mờ mắt và đau khớp nên không đi làm được nữa, không còn kiếm ra tiền; từ đó, vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh tế gia đình khó khăn. Đến tháng 4/2024, chị H bỏ đi. Cách nay khoảng vài tháng, chị H đã dẫn 03 con về quê ngoại ở VB đi học. Anh nhiều lần đến thăm nom các con và trao đổi hàn gắn tình cảm nhưng chị H không chịu trở về. Nay do thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị chung sống có 03 con chung như chị H trình bày và hiện các con đang sống cùng chị H. Nếu vợ chồng anh ly hôn thì anh đồng ý với nguyện vọng của các con, để các con sống cùng chị H để tiếp tục đi học tại VB. Do anh không có nghề nghiệp ổn định và hiện còn phải phụng dưỡng mẹ già, kinh tế khó khăn nên anh yêu cầu Tòa án xem xét lại việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện GCT 30.000.000 đồng để làm ăn. Anh xác định đây là nợ chung và đồng ý chia đôi số nợ này.

**** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội GCT - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp và bà Nguyễn Thị Đ xin vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ H, chị H được ly hôn với anh Huỳnh Văn R.

+ Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Huỳnh Nguyễn Yến N, sinh ngày 26/11/2009; Huỳnh Nguyễn Yến N1, sinh ngày 01/12/2011 và Huỳnh Nguyễn Yến N2, sinh ngày 14/11/2015 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định pháp luật. Anh R được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Định và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội GCT - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, nhận thấy:

- Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 22/01/2010 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, anh R thường xuyên uống rượu và đánh đập chị H; hiện chị H cùng các con đã chuyển về ấp B, xã V, tỉnh Đồng Tháp sinh sống. Hội đồng xét xử nhận thấy dù anh R không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng anh có xảy ra nhiều mâu thuẫn như chị H trình bày; anh nhiều lần trao đổi hàn gắn tình cảm nhưng chị H không đồng ý trở về đoàn tụ. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, chị H không muốn hòa giải, kiên quyết xin ly hôn. Từ những tình tiết nêu trên cho thấy hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị được ly hôn với anh R là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số

01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 03 người con chung tên Huỳnh Nguyễn Yến N, sinh ngày 26/11/2009; Huỳnh Nguyễn Yến N1, sinh ngày 01/12/2011 và Huỳnh Nguyễn Yến N2, sinh ngày 14/11/2015. Xét yêu cầu của chị H về việc được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, nhận thấy: các cháu hiện sống cùng chị H đã ổn định cuộc sống và môi trường học tập; các cháu đều có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng chị và anh R cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của chị H là có căn cứ chấp nhận. Vì anh R không trực tiếp nuôi con nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do thu nhập của anh R thuộc trường hợp lao động phổ thông nên mức cấp dưỡng nuôi con mà anh R phải thực hiện mỗi tháng là 1/2 tháng lương tối thiểu vùng nơi anh R cư trú, tại thời điểm xét xử tương ứng với mức 1.725.000 đồng/tháng/người con (lương tối thiểu vùng căn cứ theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N, cháu N1 và cháu N2 đủ 18 tuổi, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị H yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ H. Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Huỳnh Văn R.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Huỳnh Nguyễn Yến N, sinh ngày 26/11/2009; Huỳnh Nguyễn Yến N1, sinh ngày 01/12/2011 và Huỳnh Nguyễn Yến N2, sinh ngày 14/11/2015.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định pháp luật, mức cấp dưỡng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.725.000 đồng/tháng/người con, thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N, cháu N1 và cháu N2 đủ 18 tuổi, lao động được.

- Anh R được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002752 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như chị đã nộp xong án phí.

- Anh R phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực H2 - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- UBND xã T, Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.